

BÀI 14

SỬ DỤNG VÀ BẢO VỆ TÀI NGUYÊN THIÊN NHIÊN

1. Sử dụng và bảo vệ tài nguyên sinh vật

a. Tài nguyên rừng:

*** Suy giảm tài nguyên rừng và hiện trạng rừng:**

- Độ che phủ rừng ở nước ta năm 1943 là 43%. Năm 1983, giảm xuống còn 22%. Đến 2005, tăng lên đạt 38%.
- Mặc dù tổng diện tích rừng đang được phục hồi, nhưng tài nguyên rừng vẫn bị suy thoái vì chất lượng rừng chưa thể phục hồi.

*** Biện pháp bảo vệ tài nguyên rừng:**

- Theo quy hoạch, phải nâng độ che phủ rừng của cả nước lên 45-50%, vùng núi dốc phải đạt 70-80%.
- Những quy định về nguyên tắc quản lí, sử dụng và phát triển đối với ba loại rừng:
 - + Đối với rừng phòng hộ: có kế hoạch, biện pháp bảo vệ nuôi dưỡng rừng hiện có, gây trồng rừng trên đất trống, đồi núi trọc.
 - + Đối với rừng đặc dụng: bảo vệ cảnh quan, đa dạng về sinh vật của các vườn quốc gia và khu bảo tồn thiên nhiên.
 - + Đối với rừng sản xuất: đảm bảo duy trì phát triển diện tích và chất lượng rừng, duy trì và phát triển hoàn cảnh rừng, độ phì và chất lượng đất rừng.
- Triển khai Luật bảo vệ và phát triển rừng.
- Giao quyền sử dụng đất và bảo vệ rừng cho người dân.
- Nhiệm vụ trước mắt là thực hiện chiến lược trồng 5 triệu ha rừng đến năm 2010, nâng độ che phủ rừng lên 43%.

b. Đa dạng sinh học:

*** Suy giảm đa dạng sinh học:**

- Giới sinh vật tự nhiên ở nước ta có tính đa dạng cao thể hiện ở số lượng thành phần loài, các kiểu hệ sinh thái và nguồn gen quý hiếm nhưng đang bị suy giảm.
- Tác động của con người làm thu hẹp diện tích rừng tự nhiên, đồng thời còn làm nghèo tính đa dạng của các kiểu hệ sinh thái, thành phần loài và nguồn gen.
- Nguồn tài nguyên sinh vật dưới nước, đặc biệt nguồn hải sản của nước ta cũng bị giảm sút rõ rệt.

*** Các biện pháp bảo vệ đa dạng sinh học:**

- Xây dựng và mở rộng hệ thống vườn quốc gia và các khu bảo tồn thiên nhiên.
- Ban hành “Sách đỏ Việt Nam”.
- Quy định việc khai thác (cấm khai thác gỗ quý, khai thác gỗ trong rừng cấm, rừng non, gây cháy rừng; cấm săn bắn động vật trái phép; cấm dùng chất nổ đánh bắt cá và các dụng cụ đánh bắt cá con, cá bột; cấm gây độc hại cho môi trường nước.

2. Sử dụng và bảo vệ tài nguyên đất

a. Hiện trạng sử dụng tài nguyên đất:

Năm 2005, nước ta có 12,7 triệu ha đất có rừng, 9,4 triệu ha đất sử dụng trong nông nghiệp (chiếm 28% tổng diện tích đất tự nhiên, trung bình hơn 0,1 ha/ người). Khả năng mở rộng đất nông nghiệp ở đồng bằng không nhiều.

- Do chủ trương toàn dân đẩy mạnh bảo vệ rừng và trồng rừng, diện tích đất trống, đồi trọc giảm mạnh

- Diện tích đất bị suy thoái vẫn còn rất lớn (hiện nay có khoảng 9,3 triệu ha đất bị đe dọa hoang mạc hóa).

b. Các biện pháp bảo vệ tài nguyên đất:

* Đối với vùng đồi núi: Để hạn chế xói mòn trên đất dốc phải áp dụng tổng thể các biện pháp thủy lợi, canh tác làm ruộng bậc thang, đào hố vẩy cá, trồng cây theo băng. Cải tạo đất hoang đồi trọc bằng các biện pháp nông-lâm kết hợp. Bảo vệ rừng và đất rừng, tổ chức định canh, định cư cho dân cư miền núi.

* Đối với đồng bằng:

- Cần có biện pháp quản lý chặt chẽ và có kế hoạch mở rộng diện tích đất nông nghiệp. Đồng thời với thâm canh, nâng cao hiệu quả sử dụng đất, cần canh tác sử dụng đất hợp lý, chống bạc màu, gầy, nhiễm mặn, nhiễm phèn. Bón phân cải tạo đất thích hợp.
- Cần có biện pháp chống ô nhiễm làm thoái hóa đất do chất độc hóa học, thuốc trừ sâu, nước thải công nghiệp chứa chất độc hại, chất bẩn chứa nhiều vi khuẩn gây bệnh hại cây trồng.

3. Sử dụng và bảo vệ các tài nguyên khác

- Tài nguyên nước: hai vấn đề quan trọng nhất hiện nay là ngập lụt vào mùa mưa và thiếu nước vào mùa khô. Do vậy phải sử dụng hiệu quả, tiết kiệm tài nguyên nước, đảm bảo cân bằng và phòng chống ô nhiễm nước.
- Tài nguyên khoáng sản: quản lý chặt chẽ việc khai thác khoáng sản, tránh lãng phí tài nguyên và ô nhiễm môi trường.
- Tài nguyên du lịch: bảo tồn, tôn tại giá trị tài nguyên và bảo vệ cảnh quan du lịch khỏi bị ô nhiễm, phát triển du lịch sinh thái.
- Khai thác, sử dụng hợp lý và bền vững các nguồn tài nguyên khác như tài nguyên khí hậu, tài nguyên biển.